TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**:** 10/2018/HNGĐ - ST
Ngày 14 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thành

Bà Đoàn Thị Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2018 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị V; đăng ký HKTT: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn L; đăng ký HKTT: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Cát Hải của nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L kết hôn với nhau năm 2007, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thị xã P, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau,

trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên va chạm, cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Mặt khác anh L mải chơi, không có trách nhiệm đóng góp kinh tế với vợ, con trong cuộc sống hạnh phúc gia đình cho nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy hạnh phúc gia đình giữa chị và anh Trần Văn L không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn L có hai con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 và Trần Long H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị sẽ nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung; chấp nhận sự tự nguyện đóng góp nuôi con của anh Trần Văn L mỗi tháng mỗi con là 01 triệu đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản ghi lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Anh và chị Trần Thị V kết hôn với nhau năm 2007 hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thị xã P, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường vì những vấn đề nhỏ trong gia đình mà phát sinh cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Hiện nay chị Trần Thị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 và Trần Long H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010, do công việc lái xe cho nên anh không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 01 triệu đồng 01 tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở nơi cư trú cũng như việc trình bày ý kiến của đương sự đều thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn trầm trọng. Do tính cách và cách sống khác biệt nhau và do anh L mải chơi không chịu quan tâm đến gia đình vợ, con nên mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai bên đương sự có 02 con chung là Trần Thị Anh T, sinh năm 2008 và Trần Long H sinh, năm 2010 hiện nay các cháu đều đang ở với mẹ và đang học tập tại trường tiểu học Đoàn Đức T, thị trấn H. Chị V có nơi cư trú, công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã tuân thủ tương đối nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án tuy nhiên tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thị xã P, tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và cách sống của hai anh chị khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cuộc sống giữa hai vợ chồng căng thẳng. Bên cạnh đó anh Trần Văn L mải chơi không chịu quan tâm đến gia đình, vợ, con, không đóng góp kinh tế gia đình vì vậy mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên ngày càng trầm trọng.

Chị V và anh L có hai con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 và Trần Long H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị V tại tổ dân phố L, thị trấn H. Chị V và anh L đều có công việc và thu nhập ổn định. Về tài sản chung các đương sự đều không có yêu cầu giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải có quan điểm như sau:

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị V được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn L; giao hai con chung là Trần Thị Anh T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 và Trần Long H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con 01 triệu đồng 01 tháng.

Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Chị Trần Thị V và anh Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn đăng ký tạm trú tại tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Toà án đã tiến hành triệu tập các đương sự để lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để hai bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định tại Điều 205, 208 và Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên bị đơn vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn L vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn L có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mẫu thuẫn trong gia đình, bên cạnh đó do anh lai không có trách nhiệm với vợ con trong việc đóng góp kinh tế xây dựng gia đình dẫn tới mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng hơn. Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tạo điều kiện cho hai bên đương sự về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên tại hai phiên hòa giải bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng điều này thể hiện bị đơn đã không còn muốn đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ở nơi cư trú, hai bên gia đình và lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều thể hiện hai bên đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn L có hai con chung gồm: Trần Thị Anh T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 và Trần Long H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010. Chị V có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, xét thấy: Hiện tại 02 con chung đều sinh sống ổn định cùng với chị V và đều có nguyện vọng sống cùng mẹ, mặt khác anh Trần Văn L cũng đồng ý để các con sống cùng với chị V vì vậy cần chấp nhận giao con chung cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu của các đương sự cùng với nguyện vọng của các con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con 01 triệu đồng 01 tháng, sự tự nguyện của anh L không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**,** Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V được ly hôn với anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao hai con chung gồm: Trần Thị Anh T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 và Trần Long H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2010 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Thị Anh T và Trần Long H cho chị Trần Thị V mỗi tháng, mỗi con 1.000.000 (một triệu đồng) kể từ tháng 12 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0010189, ngày 04 tháng 9 năm 2018. Anh Trần Văn L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND phường D, TP P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Biên